



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

06.04.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

**CÂU CHUYỆN MÃ ĐƠN LẺ CHỨ KHÔNG CÓ SÓNG NGÀNH – CẦU GIÁ CAO
VẪN THẬN TRỌNG**

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	369
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	76
Số cổ phiếu giảm giá	238
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	55

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	212
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	51
Số cổ phiếu giảm giá	104
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	57

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	335
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	81
Số cổ phiếu giảm giá	144
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	110

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	46,702.82	51,844.56	(5,141.74)
% KL toàn thị trường	6.99%	7.76%	
Giá trị	1,646,805	1,760,990	(114,185)
% GT toàn thị trường	9.20%	9.84%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,982.20	1,139.72	842.47
% KL toàn thị trường	6.99%	7.76%	
Giá trị	50,263	33,076	17,188
% GT toàn thị trường	4.39%	2.89%	

UPCOM

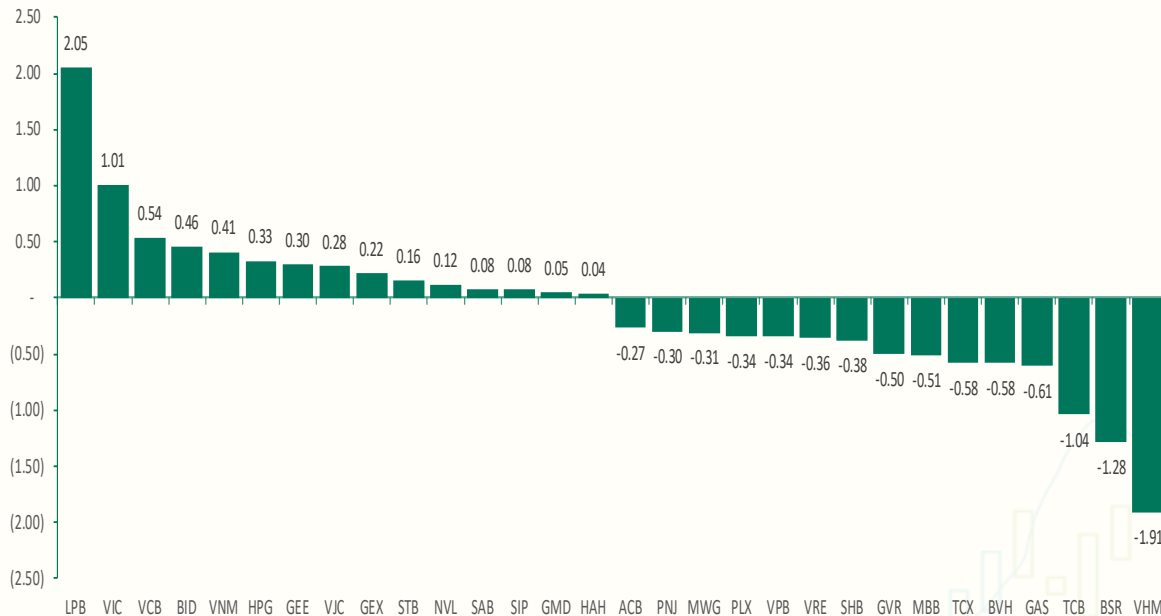
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	488.48	218.47	270.01
% KL toàn thị trường	1.65%	0.74%	
Giá trị	14,866	9,344	5,521
% GT toàn thị trường	4.16%	2.61%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	2,024,600	141,600	600 (0.43%)	79.33	7.23	1,785	1,095,062
2	VCB	4,303,300	58,000	300 (0.52%)	12.77	2.13	4,542	484,629
3	VHM	3,208,900	117,000	-2,200 (-1.85%)	11.68	1.94	10,019	480,567
4	BID	5,679,400	39,350	300 (0.77%)	9.20	1.59	4,278	276,291
5	CTG	6,070,500	33,700	-100 (-0.3%)	5.23	1.01	6,441	261,746
6	MBB	11,655,100	25,650	-300 (-1.16%)	6.44	1.45	3,980	206,611
7	HPG	19,748,100	26,850	200 (0.75%)	12.19	1.57	2,203	206,086
8	TCB	12,541,800	29,050	-700 (-2.35%)	8.12	1.15	3,576	205,855
9	VPB	11,093,100	25,600	-200 (-0.78%)	8.47	1.13	3,024	203,108
10	GAS	1,170,800	78,500	-1,200 (-1.51%)	16.24	2.80	4,833	189,417

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.68%	-2.30%	1,562
▼ Tài chính	-0.31%	-2.79%	100
▶ Tổ chức tín dụng	-0.01%	-3.23%	29
▶ Dịch vụ tài chính	-1.11%	-3.84%	67
▶ Bảo hiểm	-3.66%	+16.91%	13
▶ Bất động sản	-0.40%	-11.25%	130
▼ Công nghiệp	-0.11%	-5.59%	384
▶ Văn tài	-0.23%	-5.41%	117
▶ Hàng hóa công nghiệp	+0.04%	-5.45%	215
▶ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.48%	-9.84%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.09%	-8.79%	164
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.08%	-6.51%	152
▶ Thương mại hàng thiết yếu	-1.60%	-7.76%	8
▶ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+1.06%	-9.97%	4
▶ Nguyên vật liệu	-1.17%	+11.17%	277
▶ Tiện ích	-1.10%	+3.93%	148
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-1.48%	-5.94%	180
▶ Thương mại hàng không thiết yếu	-2.20%	-2.93%	62
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.68%	-11.90%	36
▶ Thời trang và hàng lâu bền	-0.68%	+1.55%	69
▶ Xe và linh kiện	-0.38%	-0.93%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-3.17%	+27.77%	41
▶ Dịch vụ viễn thông	-3.28%	+30.32%	18
▶ Truyền thông và giải trí	-0.73%	-12.01%	23
▶ Năng lượng	-4.14%	+20.21%	54
▼ Công nghệ thông tin	-0.15%	-22.49%	16
▶ Phần mềm và dịch vụ	-0.18%	-22.34%	9
▶ Phần cứng và thiết bị	+1.18%	-30.91%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.71%	+0.28%	58
▶ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.76%	+2.16%	47
▶ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.26%	-17.11%	11

Câu chuyện mã đơn lẻ chứ không có sóng ngành – Cầu giá cao vẫn thận trọng

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 9.05 điểm (- 0.54%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phần cứng và thiết bị, các sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình, dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp, hàng hóa công nghiệp... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VEC, NET, XPH, VEF, VGV, GEE, GEX, RAL, CDC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GEX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương với mô hình Bullish Falling Wedge cảnh báo sự đảo chiều ở đáy – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng của giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) GEE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ GEE vận động theo mô hình 5 sóng tăng giá với mục tiêu 222 – 284;
- ✓ Hỗ trợ sóng 4 giảm giá ngắn hạn là 170 – 186;;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) RAL tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RAL đã thiết lập đủ 5 sóng giảm giá và đạt mục tiêu của sóng 5 giảm giá;
- ✓ Cổ phiếu có xu hướng đi ngang với hỗ trợ quanh 85;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 90 – Một Break out sẽ xác nhận đáy đã hoàn thành;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(2) Năng lượng, bảo hiểm, dịch vụ viễn thông, thương mại hàng không thiết yếu, nguyên vật liệu, dịch vụ tài chính, tiện ích, bất động sản, vận tải, phần mềm dịch vụ, tổ chức tín dụng... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như BSR, PLX, PVD, PVS, OIL, PVT, BVH, PVI, MIG, VGI, FOX, CTR, GAS, POW, REE, NT2, HDG, VGI, MWG, PNJ, FRT, HUT, HHV, DGW, PET, GVR, MSR, DCM, DGC, DPM, HSG, PHR, KSV, TCX, SSI, HCM, VIX, VCI, SHS, VHM, VRE, BCM, KBC, KDH, PDR, TCH, HVN, MVN

CII, VSC, FPT, CMG, CTG, TCB, VPB ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc thấp mới và dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại của PVS là vùng giá 34 – 35;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) GAS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ GAS đang trong sóng 3 giảm giá với mục tiêu 64 – 74 và đang ở pha cuối sóng 3 nên đây là vùng sẽ xuất hiện sóng phản kháng 4 tăng giá với mục tiêu 87 – 93. Với NĐT đang kẹp có thể cân nhắc hạ tỷ trọng cổ phiếu khi xuất hiện sóng đối kháng tăng giá này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ 3 cây nến đỏ nhưng tín hiệu của VHM chưa quá tiêu cực dù đang ở kháng cự mạnh. Tuy nhiên, đây là vùng giá mục tiêu sóng 5 của VHM và NĐT cần quan sát khả năng tạo nền giá của cổ phiếu này. Quá trình này thường kéo dài từ 3-6 phiên và nếu VHM không thể tăng tiếp rủi ro giảm giá sẽ tăng cao;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(iv) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mẫu hình vận động CTG vẫn khá tiêu cực. Sau khi hồi phục theo sóng phản kháng 4 với kháng cự 35 – 37, CTG tiếp tục giảm giá và rơi trở lại nhưng có vẻ áp lực bán là không thực sự lớn. Như vậy rủi ro giảm giá phá vỡ đáy sóng 3 là không cao nhưng khả năng sóng 5 giảm giá sẽ vào pha đi ngang tạo đáy;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chỉ số sẽ tăng điểm trở lại sau khi lấp đầy khoảng trống giá ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm là mô hình giảm giá không có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 93 đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, GEX, VNM, MSN, NLG, DPM, DCM, GEE, SSI, LPB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: TCB, MBB, HDB, MWG, FPT, BID, VCB, VPB, KDH, VPL...Hôm nay tự doanh, mua ròng còn tổ chức trong nước, cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index có 4 cây nến thân đỏ sau phiên giao dịch mở khoảng trống giá ngày 31/03/2026. Nhìn giao dịch có vẻ áp lực bán vẫn tương đối mạnh mẽ nhưng điểm sáng là 4 cây nến thân đỏ này mới chỉ lấp đầy lại khoảng trống giá đã tạo và cơ bản xu hướng tăng này chưa bị vi phạm. Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng nhu cầu bán bằng mọi giá đã được đáp ứng đủ cầu., hiện tại điểm yếu của thị trường là cầu có chấp nhận giá cao để đẩy vượt kháng cự quan trọng mà hiện tại là 1,750 hay không ? Nếu cầu không chấp nhận việc rơi vào trạng thái đi ngang có thể xảy ra.

(iii) Thị trường phiên giao dịch hôm nay chủ yếu giao dịch theo sóng mã đơn lẻ như LPB (Trình chi trả cổ tức 30%), LGL (Xuất hiện tin bán dự án Long Biên cho Tân Hoàng Minh trị giá 1,000 tỷ đồng), hay sự bật tăng của GEE, GEX, HAH, SAB, VJC...Áp lực chốt lời ở nhóm BDS đang diễn ra sau nhịp hồi phục vừa qua.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã HPG, VHM, VIC, SAB, LPB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 54.05% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1,633- 1,750 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu LPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	524.33	526.71	521.95	NO	530.8	542.03	548.5	559.73	513.1	506.63	495.4	488.93
HNXINDEX	246.14	246.7	245.59	NO	247.86	250.69	252.41	255.24	243.31	241.59	238.76	237.04
UPINDEX	126.05	126.17	125.94	YES	126.65	127.46	128.06	128.87	125.24	124.64	123.83	123.23
VN30	1838.17	1839.14	1837.21	YES	1848.17	1860.08	1870.08	1881.99	1826.26	1816.26	1804.35	1794.35
VNXALL	2752.5	2756.04	2748.96	NO	2767.55	2789.68	2804.73	2826.86	2730.37	2715.32	2693.19	2678.14
VNINDEX	1679.11	1681.17	1677.05	NO	1688.91	1702.83	1712.63	1726.55	1665.19	1655.39	1641.47	1631.67
VN30F1M	1843.27	1842.25	1844.28	YES	1856.53	1867.77	1881.03	1892.27	1832.03	1818.77	1807.53	1794.27
VN30F2M	1841	1841	1841	YES	1852	1863	1874	1885	1830	1819	1808	1797
VN30F2Q	1832.1	1828.1	1836.1	NO	1854	1867.9	1889.8	1903.7	1818.2	1796.3	1782.4	1760.5
VN30FIQ	1840.83	1840.9	1840.77	YES	1851.67	1862.63	1873.47	1884.43	1829.87	1819.03	1808.07	1797.23
BCM	52.73	52.85	52.62	NO	53.07	53.63	53.97	54.53	52.17	51.83	51.27	50.93
BID	39.13	39.03	39.24	NO	39.62	39.88	40.37	40.63	38.87	38.38	38.12	37.63
ACB	23.32	23.35	23.28	NO	23.43	23.62	23.73	23.92	23.13	23.02	22.83	22.72
BVH	82.5	83.15	81.85	NO	83.8	86.4	87.7	90.3	79.9	78.6	76	74.7
CTG	33.77	33.8	33.73	YES	33.98	34.27	34.48	34.77	33.48	33.27	32.98	32.77
FPT	73.97	74	73.93	YES	74.43	74.97	75.43	75.97	73.43	72.97	72.43	71.97
GVR	31.4	31.38	31.42	YES	31.95	32.45	33	33.5	30.9	30.35	29.85	29.3
GAS	78.97	79.2	78.73	NO	79.83	81.17	82.03	83.37	77.63	76.77	75.43	74.57
HDB	25.52	25.48	25.56	NO	25.78	25.97	26.23	26.42	25.33	25.07	24.88	24.62
HPG	26.85	26.85	26.85	YES	27.1	27.35	27.6	27.85	26.6	26.35	26.1	25.85
LPB	45.18	44.72	45.64	NO	47.02	47.93	49.77	50.68	44.27	42.43	41.52	39.68
MBB	25.75	25.8	25.7	NO	25.9	26.15	26.3	26.55	25.5	25.35	25.1	24.95
MSN	75.33	75.35	75.32	YES	76.17	77.03	77.87	78.73	74.47	73.63	72.77	71.93
MWG	78.4	78.45	78.35	YES	79.2	80.1	80.9	81.8	77.5	76.7	75.8	75
PLX	39.33	39.55	39.12	NO	39.77	40.63	41.07	41.93	38.47	38.03	37.17	36.73
SAB	44.4	44.4	44.4	YES	44.75	45.1	45.45	45.8	44.05	43.7	43.35	43
SSB	16.73	16.72	16.74	YES	16.82	16.88	16.97	17.03	16.67	16.58	16.52	16.43
SHB	14.6	14.65	14.55	NO	14.7	14.9	15	15.2	14.4	14.3	14.1	14
SSI	27.1	27.17	27.03	NO	27.35	27.75	28	28.4	26.7	26.45	26.05	25.8
TCB	29.25	29.35	29.15	NO	29.5	29.95	30.2	30.65	28.8	28.55	28.1	27.85
STB	60.97	60.85	61.08	NO	62.33	63.47	64.83	65.97	59.83	58.47	57.33	55.97
TPB	15.93	15.98	15.89	NO	16.02	16.18	16.27	16.43	15.77	15.68	15.52	15.43
VCB	57.97	57.95	57.98	YES	58.23	58.47	58.73	58.97	57.73	57.47	57.23	56.97
VHM	117.9	118.35	117.45	NO	119.8	122.6	124.5	127.3	115.1	113.2	110.4	108.5
VIB	16.68	16.7	16.67	NO	16.82	16.98	17.12	17.28	16.52	16.38	16.22	16.08
VIC	141.03	140.75	141.32	NO	143.07	144.53	146.57	148.03	139.57	137.53	136.07	134.03
VJC	161.93	161.25	162.62	NO	164.87	166.43	169.37	170.93	160.37	157.43	155.87	152.93
VPB	25.68	25.73	25.64	NO	25.87	26.13	26.32	26.58	25.42	25.23	24.97	24.78
VRE	26.13	26.33	25.94	NO	26.62	27.48	27.97	28.83	25.27	24.78	23.92	23.43
VNM	60.63	60.5	60.77	NO	61.27	61.63	62.27	62.63	60.27	59.63	59.27	58.63

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
LPB	4,021,800	1,138,590	353	6.96
NRC	2,131,700	604,440	353	1.75
APG	1,654,900	820,810	202	-6.91
BMI	1,531,300	292,660	523.24	-6.96
CTI	1,254,800	384,030	327	1.11
HNM	821,700	408,000	201	2.41
TAL	667,700	324,440	205.8	-0.56
ABS	665,500	248,180	268	-5.14
TCI	600,300	113,040	531	6.94
PPT	466,600	192,000	243.02	0.65
MBG	451,400	149,860	301	-3.57
PV2	433,900	134,670	322	-4.35
CTP	389,900	138,920	281	0
HHG	321,700	115,320	279	0
ASP	198,000	81,090	244.17	1.36
TIS	157,300	33,980	463	2.04
LGL	153,200	43,000	356	6.82
HDA	120,900	42,140	287	3.17
QNS	115,100	55,730	207	0
PVI	114,900	50,510	227.48	-3.94
SRF	90,300	42,010	215	-2.49
ECO	88,100	26,740	329	-0.98
CAR	87,000	-	1.#J	-9.09
NDX	83,100	490	16,959	3.33
KHP	74,100	18,510	400.32	-1.4
TVC	70,600	15,150	466	3.9
CIP	63,000	5,990	1,052	12
PDB	61,700	27,120	228	-2.14
TNI	56,000	26,480	211	-5.67
LHC	51,400	9,630	534	0.69
TS3	51,200	8,760	584	6.9
ACC	43,600	15,520	281	-4.58
HMC	43,200	9,420	459	-2.1
PTC	36,900	13,710	269	-1.1
ILB	34,700	16,250	214	-1.39
DVP	31,500	11,740	268	1.41
MAC	26,100	4,840	539	9.24
BSL	23,600	11,650	203	-6.67
DQC	23,400	11,460	204	-6.45
VPD	20,400	6,740	303	1.68

- Lưu ý: LPB, NRC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
6-Apr	GMD	Mua	≤ 71	10% -20%	Mô hình đáy - Tuy nhiên cần lưu ý lực bán của khối ngoại và hỗ trợ cứng quanh 65 - CP thích hợp đầu tư trung hạn
6-Apr	MSN	Mua	≤ 76	10% -20%	Tín hiệu mua Rejection

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 30/03 - 03/04, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng nhẹ trong các phiên đầu tuần và được giữ nguyên ở các phiên sau đó. Chốt ngày 03/04, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.107 VND/USD, tăng 07 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.902 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.312 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Tỷ giá LNH trong tuần từ 30/03 - 03/04 có xu hướng giảm và chỉ quay trở lại tăng trong phiên cuối tuần. Kết thúc phiên 03/04, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.339 VND/USD, giảm nhẹ 03 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do biến động giảm mạnh chủ yếu vào các phiên giữa tuần. Chốt phiên 03/04, tỷ giá tự do giảm 244 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 26.847 VND/USD và 26.987 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 30/03 - 03/04, lãi suất VND LNH tăng mạnh ở phiên đầu tuần và giảm dần ở các phiên sau đó, đặc biệt ở các kỳ hạn ngắn ON - 1W. Kết thúc ngày 03/04, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức: ON 5,50% (+1,0 đpt); 1W 6,00% (-1,0 đpt); 2W 6,90% (-0,55 đpt); 1M 7,80% (+0,35 đpt). Lãi suất USD LNH biến động tăng - giảm nhẹ qua các phiên, chốt phiên cuối tuần 03/04 giao dịch ở mức: ON 3,63% (-0,01 đpt); 1W 3,69% (+0,01 đpt); 2W 3,72% (-0,01 đpt) và 1M 3,75% (-0,01 đpt).
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 30/03 - 03/04, ở kênh cấm cố, NHNN chào thầu 258.000 tỷ đồng với các kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 35 ngày và 56 ngày, lãi suất duy trì ở mức 4,5%. Trong đó, có 80.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 121.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, 5.988,46 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 35 ngày và 48.793,12 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 56 ngày. Có 145.627,89 tỷ đồng đáo hạn trên kênh cấm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần từ 30/03 - 03/04. Như vậy, tuần qua, NHNN bơm ròng 110.153,69 tỷ đồng ra thị trường qua kênh thị trường mở. Có 354.824,58 tỷ đồng lưu hành trên kênh cấm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 01/04, KBNN đấu thầu thành công 3.485 tỷ đồng/13.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tỷ lệ trúng thầu đạt 26%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được 85 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 10Y huy động được 3.400 tỷ đồng/11.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 15Y và 30Y gọi thầu lần lượt 1.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,70% (+0,10 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 4,12% (+0,01 đpt). Ngày 08/04, KBNN dự kiến chào thầu 13.500 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 11.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 1.000 tỷ đồng và kỳ hạn 20Y chào thầu 500 tỷ đồng. Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp trong tuần đạt trung bình 20.168 tỷ đồng/phiên, tăng nhẹ so với mức 19.567 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Lợi suất TPCP trong tuần chỉ biến động nhẹ ở các phiên giữa tuần với các kỳ hạn từ 5Y - 10Y. Chốt phiên 03/04, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 3,20% (không đổi so với phiên cuối tuần trước đó); 2Y 3,30% (không đổi); 3Y 3,39% (không đổi); 5Y 4,06% (không đổi); 7Y 4,12% (+0,005 đpt); 10Y 4,21% (+0,005 đpt); 15Y 4,31% (không đổi); 30Y 4,47% (không đổi).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

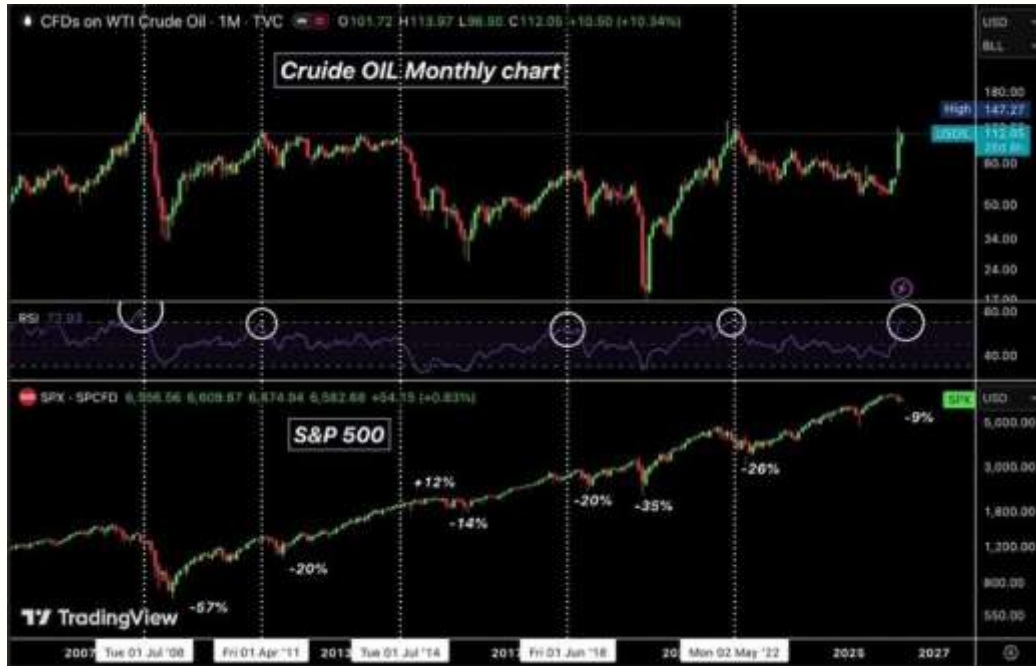
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

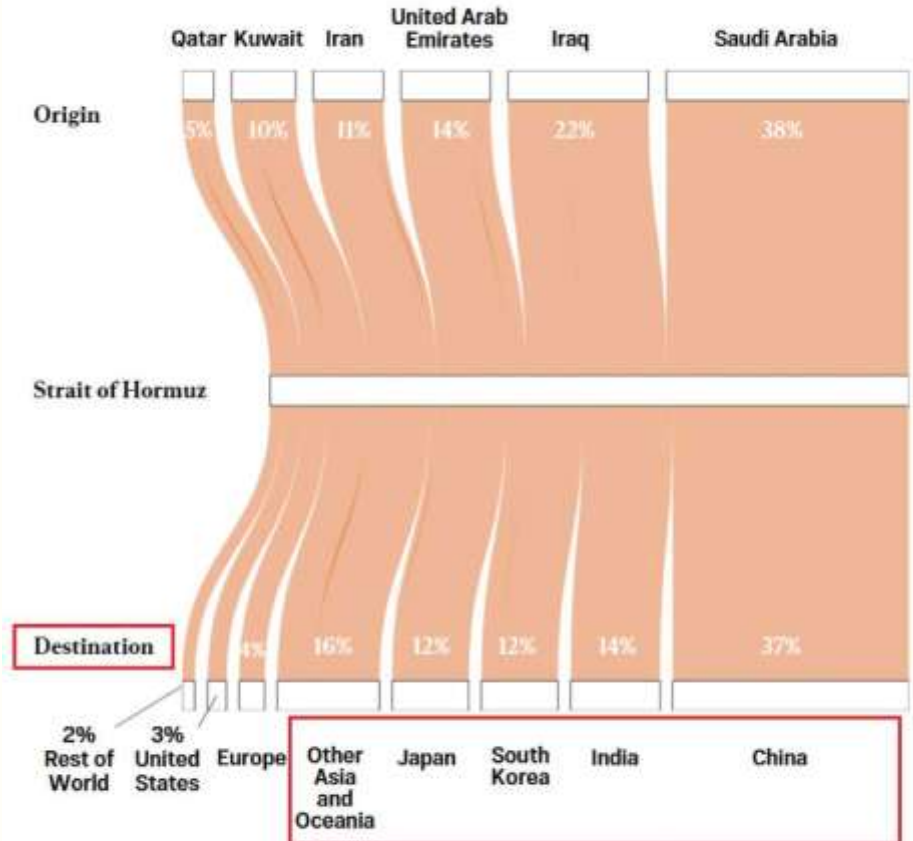
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Liệu giá dầu thô có đạt đỉnh trong tháng 4/2026 ?



Dầu mỏ vận chuyển qua eo biển Hormuz vào năm 2025

Crude Oil Exports Transiting the Strait of Hormuz, 2025



Note: Data as of June 2025

Source: U.S. Energy Information Administration analysis based on Vortexa.

Thị trường hồi phục về kháng cự động MA(200) – Giao dịch thường thấy

Nike liên tiếp thủng đáy – Cổ phiếu đang giảm về vùng quá bán



Nasdaq phục hồi tăng trở lại thử thách kháng cự động MA(200)



Unitedhealth Group có phiên tăng giá mạnh – Tín hiệu đảo chiều xu hướng



S&P 500 phục hồi tăng giá trở lại – Thử thách MA(200)



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamckskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

